

Số: /KH-UBND

Lệ Viễn, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 15/08/2023 của UBND huyện Sơn Động về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa huyện Sơn Động; UBND xã Lệ Viễn xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, đánh giá đúng thực trạng đời sống nhân dân; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giảm nghèo ở từng thôn và chung toàn xã; xác định chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của từng thôn và toàn xã có đến cuối năm 2023 làm cơ sở cho các cấp, các ngành lập kế hoạch thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn trong năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện từ thôn, trực tiếp đối với từng hộ gia đình, theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người đã được tập huấn về nghiệp vụ rà soát, nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn.

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã và thực trạng đời sống của Nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

e) Kết thúc cuộc rà soát, UBND cấp xã phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình và cập nhật bổ sung ngay thông tin về thành viên, đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý sau khi có quyết định công nhận.

II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập:

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng;

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) việc làm; (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình; (3) dinh dưỡng; (4) bảo hiểm y tế; (5) trình độ giáo dục của người lớn; (6) tình trạng đi học của trẻ em; (7) chất lượng nhà ở; (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (9) nguồn nước sinh hoạt; (10) nhà tiêu hợp vệ sinh; (11) sử dụng dịch vụ viễn thông; (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng;

2. Đối tượng, nội dung, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

a) Toàn bộ hộ gia đình hiện tại đang có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 do UBND xã đang quản lý;

b) Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Các hộ có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nội dung rà soát

Căn cứ chuẩn nghèo và quy trình, thủ tục rà soát, đánh giá xác định những hộ nghèo, cận nghèo mới phát sinh, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023.

2.3. Phạm vi, thời điểm rà soát

2.3.1. Rà soát toàn bộ số hộ gia đình trên phạm vi 06 thôn trong toàn xã.

- Đơn vị xã thuộc khu vực nông thôn.

2.3.2. Thời gian rà soát: Thực hiện từ ngày 01 tháng 10 đến hết ngày 28 tháng 10 năm 2023.

III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

1.1. Phương pháp rà soát theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

+ Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

1.2. Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố (viết tắt là thôn), rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH.

1.3. Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ dân phố và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

1.4. Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH.

1.5. Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH.

1.6. Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH (đã được Phòng Lao động-TB&XH - cơ quan thường trực thiết kế cho cấp xã).

Thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu biểu tại Công văn số 2752/LĐTĐBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: Được thực hiện bằng phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập hộ gia đình (*Khoản 2, Điều 2 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg*); cụ thể:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH.

b) Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo kết quả khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo biểu tổng hợp (*Giao Phòng Lao động – TB&XH thiết kế mẫu biểu tổng hợp cho cấp xã đảm bảo có đầy đủ thông tin để báo cáo cấp tỉnh*).

IV. TỔ CHỨC RÀ SOÁT

1. Ban rà soát thôn thực hiện rà soát các hộ gia đình trên địa bàn theo đúng trình tự 6 bước quy trình rà soát quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Khảo sát thu thập thông tin theo hướng dẫn quy định tại phần III của Kế hoạch này.

3. Kết quả rà soát được niêm yết công khai đảm bảo sự giám sát của nhân dân và Ban giám sát các cấp.

4. Ban rà soát cấp thôn báo cáo kết quả rà soát với Chủ tịch UBND cấp xã.

5. Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo xin ý kiến thẩm định của Chủ tịch UBND cấp huyện bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (qua phòng Lao động-Thương binh và Xã hội) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

Chủ tịch UBND huyện thông báo kết quả để Chủ tịch UBND cấp xã ký Quyết định công nhận và cấp giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo theo quy định.

Đối với kết quả khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện theo biểu tổng hợp đính kèm Kế hoạch.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ

1. Tiến độ thực hiện

- Thành lập Ban chỉ đạo ở cấp xã, ban rà soát thôn và tổ chức triển khai kế hoạch tập huấn nghiệp vụ ở cấp xã cho Ban chỉ đạo xã và Ban rà soát thôn và điều tra viên xong trước ngày 12/10/2023.

- Từ ngày 13/10/2023 đến ngày 25/10/2023: Ban rà soát thôn tổ chức rà soát, thống kê ở cơ sở, họp dân và báo cáo kết quả rà soát về Ban Chỉ đạo cấp xã.

- Từ ngày 26/10/2023 đến ngày 30/10/2023: Ban Chỉ đạo cấp xã nghiệm thu, tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát về Ban chỉ đạo huyện và phê duyệt kết quả rà soát theo quy định.

- Từ ngày 31/10/2023 đến ngày 05/11/2023: Ban Chỉ đạo cấp xã báo cáo kết quả chính thức về Ban Chỉ đạo huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội). UBND xã gửi văn bản đề nghị UBND huyện phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã, ban hành quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi có văn bản phê duyệt kết quả của UBND huyện và cử cán bộ nhập tin vào phần mềm quản lý hộ nghèo, cận nghèo năm 2023.

2. Tổng hợp báo cáo kết quả

Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát thực hiện ở 3 cấp: Thôn, xã, huyện

Các cấp tổng hợp, báo cáo theo các mẫu biểu kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

3. Phức tra kết quả điều tra, rà soát

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy kết quả tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn nào chưa phản ánh chính xác, khách quan, trung thực tình hình kinh tế- xã hội của địa phương hoặc có ý kiến khiếu nại của người dân về kết quả rà soát, Ban chỉ đạo cấp xã tổ chức phức tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở những thôn cần thiết, thông báo công khai để Nhân dân biết, trước khi UBND cấp xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ở cấp xã

a) Công chức VHXH phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cán bộ thường trực Ban Chỉ đạo xã có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban rà soát thôn thực hiện các nhiệm vụ sau:

Tham mưu giúp Chủ tịch UBND xã ban hành kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo, tổ giúp việc BCD tổ chức rà soát; cấp các loại mẫu biểu, phiếu cho cấp thôn, xã phục vụ công tác rà soát và tổng hợp.

Triển khai kế hoạch và tập huấn nghiệp vụ cho BCD xã, ban rà soát thôn và các điều tra viên.

Phối hợp cùng BCD xã đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện cuộc rà soát trên địa bàn.

Phối hợp cùng BCD hướng dẫn, chỉ đạo Ban rà soát thôn thực hiện rà soát theo đúng quy trình và tiến độ kế hoạch của UBND xã.

Phối hợp cùng các thành viên BCD và Tổ giúp việc tổng hợp, trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả và báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Tham gia cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ đạo của huyện.

Tham mưu bố trí kinh phí rà soát của cấp mình theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Các thành viên Ban chỉ đạo

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công để phối hợp chỉ đạo thực hiện tốt Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã.

- Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả rà soát tại địa bàn được phân công phụ trách; Thường xuyên báo cáo Ban chỉ đạo xã (*qua đ/c Nguyễn Thị Thúy công chức VHXXH*) để biết, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, nhằm đảm bảo thực hiện Kế hoạch hoàn thành đúng thời gian quy định.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội xã

Đề nghị Ủy ban MTTQ xã chỉ đạo, hướng dẫn Ban Mặt trận thôn chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát quá trình thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã đảm bảo kết quả rà soát dân chủ, khách quan và minh bạch.

3. Ở cấp thôn

Trực tiếp thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo đúng quy trình.

Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu, phương pháp rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký

rà soát.

Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thôn.

Tổng hợp, báo cáo chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thôn theo các biểu mẫu đúng thời gian quy định.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2023 do ngân sách cấp xã đảm nhiệm, bố trí theo quy định hiện hành về Luật Ngân sách nhà nước và ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo theo Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND huyện Sơn Động về việc giao vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Sơn Động năm 2023 (đợt 1);

Trên đây là Kế hoạch thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn. Các ngành, các thôn căn cứ kế hoạch để triển khai tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc chủ động phản ánh đến Thường trực Ban chỉ đạo xã (Công chức văn hóa xã hội, điện thoại: 0353 966 748) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể CT-XH xã;
- Ban chỉ đạo xã;
- Ban rà soát thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hòe

Số: /QĐ-UBND

Lệ Viễn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỆ VIỄN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐ ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 10/10/2023 của UBND xã Lệ Viễn về việc Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn;

Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Động về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Sơn Động tại thời điểm rà soát ngày 01/9/2023;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại thời điểm 01/09/ 2023 của xã cụ thể như sau:

Tổng số hộ nghèo: 198 hộ; tổng số hộ cận nghèo: 224 hộ; tổng số hộ thoát nghèo 46 hộ; tổng số hộ thoát cận nghèo 75 hộ.

(có danh sách kèm theo.)

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được công nhận tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác trong năm 2024.

Điều 3. Các ông (bà) Văn phòng- thống kê, VH- XH, TC - KT, trưởng thôn, các ban ngành đoàn thể từ xã tới thôn và các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ

thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Phòng LĐTB&XH huyện (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trưởng các thôn;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòe

Số: /QĐ-UBND

Lệ Viễn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH.

**Công nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp
có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỆ VIỄN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn xã Lệ Viễn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 theo kết quả khảo sát điều tra, thu nhập tại thời điểm tháng 01/09/2023 của xã Lệ Viễn. (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 được công nhận tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện chính sách nhà nước hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế, vay vốn năm 2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng UBND xã, Ban Giảm nghèo xã, Trưởng các thôn, các cơ quan, các đơn vị liên quan và các hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận;

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- Phòng Lao động - TB&XH;
- TTĐU-HĐND-CT, các PCT UBND xã;
- Thành viên BGN;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT, VH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòe

UBND XÃ LỆ VIỄN

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, CẶN NGHÈO NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Lệ Viễn)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Thôn	Ghi chú
A	B	1	2	4	5	7
I	Hộ nghèo					
1	Đình Văn Đồng	Nam	26/03/1990	Kinh	Thanh Trà	
2	Giáp Thị Hội	Nữ	01/01/1969	Kinh	Thanh Trà	
3	Hà Văn Hưng	Nam	1989	Kinh	Thanh Trà	
4	Hoàng Văn Khương	Nam	20/11/1984	Kinh	Thanh Trà	
5	La Văn Sơn	Nam	23/08/1989	Kinh	Thanh Trà	
6	Lãnh Thị Cam	Nữ	1934	Kinh	Thanh Trà	
7	Ngọc Hồng Thương	Nam	05/09/1980	Kinh	Thanh Trà	
8	Ngọc Thị Dung	Nữ	06/10/1977	Kinh	Thanh Trà	
9	Ngọc Văn Điệp	Nam	08/02/1982	Kinh	Thanh Trà	
10	Nguyễn Văn Kẹ	Nam	1934	Kinh	Thanh Trà	
11	Nguyễn Văn Quý	Nam	1938	Kinh	Thanh Trà	
12	Nguyễn Xuân Lành	Nam	10/02/1960	Kinh	Thanh Trà	
13	Nông Thị Tuyền	Nữ	01/01/1950	Tày	Thanh Trà	
14	Nông Văn Thọ	Nam	23/12/1978	Kinh	Thanh Trà	
15	Vi Văn Chi	Nam	30/03/1977	Kinh	Thanh Trà	
16	Vi Văn Hùng	Nam	30/10/1979	Tày	Thanh Trà	
17	Vũ Đức Trọng	Nam	01/01/1940	Kinh	Thanh Trà	
18	Vũ Thị Bằng	Nữ	07/03/1974	Kinh	Thanh Trà	
19	Vũ Văn Hậu	Nam	02/09/1990	Kinh	Thanh Trà	
20	Vũ Văn Nghị	Nam	12/02/1972	Kinh	Thanh Trà	
21	Vũ Văn Sơn	Nam	15/01/1958	Kinh	Thanh Trà	
22	Vũ Văn Thủy	Nam	12/12/1957	Kinh	Thanh Trà	
23	Vũ Xuân Hoàn	Nam	10/07/1957	Kinh	Thanh Trà	
24	Vy Văn Hưng	Nam	16/03/1990	Kinh	Thanh Trà	
25	Ngọc Văn Hoạch	Nam	06/08/1979	Kinh	Thanh Trà	
26	Vũ Văn Trung	Nam	11/10/1991	Kinh	Thanh Trà	
27	Vy Thị Giang	Nữ	09/10/1975	Kinh	Thanh Trà	
28	Nguyễn Văn Trình	Nam	08/07/1979	Kinh	Thanh Trà	
29	Hoàng Văn Thái	Nam	16/12/1962	Kinh	Thanh Trà	
30	Chu Văn Thơ	Nam	13/08/1991	Tày	Thanh Trà	
31	Trần Thị Toán	Nữ	10/10/1964	Kinh	Thanh Trà	
32	Hà Văn Giang	Nam	19/06/1993	Kinh	Thanh Trà	
33	Đỗ Văn Huân	Nam	23/08/1988	Tày	Thia Tu Nim	
34	Đỗ Văn Lý	Nam	07/1975	Kinh	Thia Tu Nim	

35	Đỗ Văn Tuyên	Nam	09/07/1988	Tày	Thia Tu Nim	
36	Đỗ Văn Vương	Nam	11/03/1983	Tày	Thia Tu Nim	
37	Hà Thị Thu	Nữ	1964	Kinh	Thia Tu Nim	
38	Hà Văn Đạt	Nam	07/1985	Kinh	Thia Tu Nim	
39	Hà Văn Linh	Nam	03/1989	Kinh	Thia Tu Nim	
40	Hoàng Duy Biên	Nam	27/5/1984	Kinh	Thia Tu Nim	
41	Hoàng Văn Đua	Nam	16/04/1980	San Chí	Thia Tu Nim	
42	Hoàng Văn Hạnh	Nam	1976	Kinh	Thia Tu Nim	
43	Hoàng Văn Kiểm	Nam	26/08/1980	Kinh	Thia Tu Nim	
44	Hoàng Văn Mùi	Nữ	10/1991	Tày	Thia Tu Nim	
45	Hoàng Văn Tình	Nam	13/10/1993	Tày	Thia Tu Nim	
46	Lộc Văn Hiếu	Nam	00/10/1993	Kinh	Thia Tu Nim	
47	Lý Văn Các	Nam	1957	San Chí	Thia Tu Nim	
48	Lý Văn Chặn	Nam	07/01/1965	San Chí	Thia Tu Nim	
49	Lý Văn Cố	Nam	00/00/1958	San Chí	Thia Tu Nim	
50	Lý Văn Hải	Nam	11/06/1986	San Chí	Thia Tu Nim	
51	Lý Văn Nam	Nam	1972	San Chí	Thia Tu Nim	
52	Lý Văn Nguyên	Nam	06/03/1974	San Chí	Thia Tu Nim	
53	Lý Văn Quý	Nam	07/07/1964	San Chí	Thia Tu Nim	
54	Lý Văn Thuận	Nam	05/1968	San Chí	Thia Tu Nim	
55	Mè Đức Yên	Nam	05/11/1958	San Chí	Thia Tu Nim	
56	Mè Văn Hạnh	Nam	1985	San Chí	Thia Tu Nim	
57	Mễ Văn Hùng	Nam	20/04/1985	San Chí	Thia Tu Nim	
58	Mễ Văn Tụ	Nam	13/05/1987	San Chí	Thia Tu Nim	
59	Mè Văn Vàng	Nam	1971	San Chí	Thia Tu Nim	
60	Mễ Văn Vụ	Nam	05/1985	San Chí	Thia Tu Nim	
61	Trần Thị Phúc	Nữ	22/02/1960	San Chí	Thia Tu Nim	
62	Trần Văn Thanh	Nam	12/07/1985	San Chí	Thia Tu Nim	
63	Trần Văn Ty	Nam	13/04/1981	San Chí	Thia Tu Nim	
64	Vũ Văn Lịch	Nam	14/05/1972	Kinh	Thia Tu Nim	
65	Hoàng Văn Sáu	Nam	1983	Kinh	Thia Tu Nim	
66	Trần Văn Chí	Nam	1982	San Chí	Thia Tu Nim	
67	Hoàng Văn Thủ	Nam	25/07/1994	Kinh	Thia Tu Nim	
68	Hoàng Văn Chiến	Nam	19/09/1973	San Chí	Thia Tu Nim	
69	Hoàng Văn Dũng	Nam	29/05/1997	Kinh	Thia Tu Nim	
70	Trần Văn Hà	Nam	06/05/1964	San Chí	Thia Tu Nim	
71	Nguyễn Thị Lý	Nữ	12/09/1974	Kinh	Thia Tu Nim	
72	Đình Thị Bền	Nữ	01/01/1953	Kinh	Tân Chung	
73	Hoàng Cần	Nam	09/08/1953	Kinh	Tân Chung	
74	Lưu Thị Hà	Nữ	09/01/1959	Tày	Tân Chung	

75	Lý Văn Dầu	Nam	1948	San Chí	Tân Chung	
76	Lục Thị Là	Nữ	1952	San Chí	Tân Chung	
77	Võ Thị Thắm	Nữ	03/04/1963	Kinh	Tân Chung	
78	Vũ Văn Ba	Nam	26/11/1994	Tày	Tân Chung	
79	Lý Văn Phong	Nam	1975	San Chí	Tân Chung	
80	Trần Văn Hôn	Nam	04/04/1984	San Chí	Tân Chung	
81	Trần Văn Sơn	Nam	09/1965	San Chí	Tân Chung	
82	Hoàng Văn Quỳnh	Nam	27/4/1986	Kinh	Tân Chung	
83	Nịnh Văn Chiến	Nam	01/01/1977	San Chí	Tân Chung	
84	Vũ Đức Kỳ	Nam	18/04/1961	Kinh	Tân Chung	
85	Lý Văn Điều	Nam	08/01/1994	San Chí	Tân Chung	
86	Hoàng Văn Mạnh	Nam	25/07/1970	Kinh	Tân Chung	
87	Hoàng Thị Xây	Nữ	23/8/1959	Kinh	Tân Chung	
88	Trần Công Hưởng	Nam	07/09/1953	Kinh	Tân Chung	
89	Dương Công Thịnh	Nam	04/12/1993	San Chí	Chung Sơn	
90	Dương Văn Cấp	Nam	01/10/1991	San Chí	Chung Sơn	
91	Dương Văn Đạt	Nam	08/12/1985	San Chí	Chung Sơn	
92	Hoàng Thị Quý	Nữ	16/04/1960	San Chí	Chung Sơn	
93	Hoàng Thị Xuân	Nữ	05/07/1964	San Chí	Chung Sơn	
94	Hoàng Văn Chanh	Nam	24/12/1988	San Chí	Chung Sơn	
95	Hoàng Thị Vui	Nữ	1982	San Chí	Chung Sơn	
96	Hoàng Văn Đào	Nam	15/10/1979	San Chí	Chung Sơn	
97	Hoàng Văn Đạt	Nam	25/05/1985	San Chí	Chung Sơn	
98	Hoàng Văn Đức	Nam	1981	San Chí	Chung Sơn	
99	Hoàng Văn Nhân	Nam	03/12/1979	San Chí	Chung Sơn	
100	Hoàng Văn Sửu	Nam	07/01/1986	San Chí	Chung Sơn	
101	La Văn Cam	Nam	12/02/1983	San Chí	Chung Sơn	
102	Lý Thị Lâm	Nữ	01/01/1987	San Chí	Chung Sơn	
103	Lý Văn Tĩnh	Nam	10/10/1971	San Chí	Chung Sơn	
104	Nịnh Văn Chung	Nam	05/1970	San Chí	Chung Sơn	
105	Nịnh Văn Giáp	Nam	15/02/1983	San Chí	Chung Sơn	
106	Nịnh Văn Hôn	Nữ	26/09/1995	San Chí	Chung Sơn	
107	Nịnh Văn Kế	Nam	1985	San Chí	Chung Sơn	
108	Nịnh Văn Thảo	Nam	1987	San Chí	Chung Sơn	
109	Nịnh Văn Thi	Nam	12/08/1989	San Chí	Chung Sơn	
110	Nịnh Văn Vinh	Nam	13/06/1978	San Chí	Chung Sơn	
111	Trần Văn Hòa	Nam	10/09/1996	San Chí	Chung Sơn	
112	Trần Văn Bộ	Nam	03/1983	San Chí	Chung Sơn	
113	Trần Văn Chiến	Nam	28/12/1989	San Chí	Chung Sơn	
114	Trần Văn Dờn	Nam	17/01/1959	San Chí	Chung Sơn	

115	Trần Văn Đồng	Nam	05/1970	San Chí	Chung Sơn	
116	Trần Văn Hà	Nam	15/05/1988	San Chí	Chung Sơn	
117	Trần Văn Kiu	Nam	19/12/1977	San Chí	Chung Sơn	
118	Trần Văn Nhân	Nam	15/10/1990	San Chí	Chung Sơn	
119	Trần Văn Phúc	Nam	1954	San Chí	Chung Sơn	
120	Trần Văn Sáng	Nam	3/5/1997	San Chí	Chung Sơn	
121	Trần Văn Tắc	Nam	1985	San Chí	Chung Sơn	
122	Trần Văn Văn	Nam	30/07/1986	San Chí	Chung Sơn	
123	Trương Thị Kim	Nữ	06/1970	San Chí	Chung Sơn	
124	Vy Thị An	Nữ	02/10/1961	San Chí	Chung Sơn	
125	Vương Văn Hùng	Nam	08/10/1984	San Chí	Chung Sơn	
126	Đàm Văn Hồng	Nam	06/06/1974	San Chí	Chung Sơn	
127	Hoàng Văn Lương	Nam	20/04/1986	San Chí	Chung Sơn	
128	Hoàng Văn Phát	Nam	06/1960	San Chí	Chung Sơn	
129	Hoàng Văn Phúc	Nam	09/1958	San Chí	Chung Sơn	
130	Lý Văn Thông	Nam	10/09/1956	San Chí	Chung Sơn	
131	Nịnh Minh Tân	Nam	26/10/1965	San Chí	Chung Sơn	
132	Nịnh Thanh Ngân	Nam	04/07/1963	San Chí	Chung Sơn	
133	Nịnh Văn Thủy	Nam	1982	San Chí	Chung Sơn	
134	Trần Văn Hội	Nam	24/01/1992	San Chí	Chung Sơn	
135	Trần Văn Tắc	Nam	22/09/1981	San Chí	Chung Sơn	
136	Dương Văn Thuận	Nam	15/10/1965	San Chí	Chung Sơn	
137	Trần Thị Nhân	Nữ	01/01/1966	San Chí	Chung Sơn	
138	Trần Văn Đạt	Nam	20/02/1986	San Chí	Chung Sơn	
139	Dương Văn Điệp	Nam	13/10/1995	San Chí	Chung Sơn	
140	Lý Văn Thành	Nam	13/03/1994	San Chí	Chung Sơn	
141	Nịnh Văn Lợi	Nam	11/06/1993	San Chí	Chung Sơn	
142	Trần Văn Chậu	Nam	01/03/1969	San Chí	Chung Sơn	
143	Lý Văn Bình	Nam	20/08/1983	San Chí	Chung Sơn	
144	Đàm Văn Công	Nam	1976	San Chí	Lộ	
145	Đặng Thị Quý	Nữ	10/1996	San Chí	Lộ	
146	Đặng Văn Báo	Nam	1976	San Chí	Lộ	
147	Đặng Văn Hiền	Nam	25/05/1989	San Chí	Lộ	
148	Đặng Văn Nội	Nam	09/09/1990	San Chí	Lộ	
149	Đặng Văn Sơn	Nam	07/1982	San Chí	Lộ	
150	Đặng Văn Thanh	Nam	12/11/1992	San Chí	Lộ	
151	Đặng Văn Tiếp	Nam	01/03/1985	San Chí	Lộ	
152	Hoàng Văn Bầy	Nam	02/10/1992	San Chí	Lộ	
153	Hoàng Văn Phong	Nam	05/1985	San Chí	Lộ	
154	Lục Văn Bộ	Nam	21/10/1993	San Chí	Lộ	

155	Lục Văn Tăng	Nam	07/01/1993	San Chí	Lộ	
156	Lục Văn Thái	Nam	17/05/1986	San Chí	Lộ	
157	Lục Văn Thanh	Nam	27/07/1991	San Chí	Lộ	
158	Nịnh Thị Phát	Nữ	15/06/1974	San Chí	Lộ	
159	Nịnh Văn Tăng	Nam	01/08/1989	San Chí	Lộ	
160	Nịnh Văn Trung	Nam	08/06/1984	San Chí	Lộ	
161	Phan Văn Quang	Nam	04/1989	San Chí	Lộ	
162	Trần Văn Tích	Nam	01/08/1991	San Chí	Lộ	
163	Trương Văn Bằng	Nam	02/01/1983	San Chí	Lộ	
164	Đặng Văn An	Nam	06/10/1968	San Chí	Lộ	
165	Đặng Văn Dầu	Nam	08/1971	San Chí	Lộ	
166	Lý Văn Lương	Nam	28/08/1986	San Chí	Lộ	
167	Nịnh Văn Thành	Nam	18/04/1983	San Chí	Lộ	
168	Trần Văn Bảo	Nam	01/12/1992	San Chí	Lộ	
169	Ngô Văn Lương	Nam	01/03/1979	Tây	Lộ	
170	Đặng Văn Đạm	Nam	01/01/1963	San Chí	Lạnh	
171	Đặng Văn Nam	Nam	03/2/1989	San Chí	Lạnh	
172	Đặng Văn Quý	Nam	1971	San Chí	Lạnh	
173	Trần Văn Thảo	Nam	1989	San Chí	Lạnh	
174	Hoàng Văn Chinh	Nam	1979	San Chí	Lạnh	
175	Hoàng Văn Quý	Nam	26/02/1959	San Chí	Lạnh	
176	Hoàng Văn Tấn	Nam	24/10/1989	San Chí	Lạnh	
177	Lục Thị Liên	Nữ	1976	San Chí	Lạnh	
178	Nịnh Thị Lợi	Nữ	1963	San Chí	Lạnh	
179	Nịnh Văn Hiệu	Nam	01/05/1980	San Chí	Lạnh	
180	Nịnh Văn Tươi	Nam	1982	San Chí	Lạnh	
181	Tô Thị Chiu	Nữ	17/03/1959	San Chí	Lạnh	
182	Trần Thị Kính	Nữ	1973	San Chí	Lạnh	
183	Trần Văn Lợi	Nam	02/09/1986	San Chí	Lạnh	
184	Trần Văn Nam	Nam	14/07/1984	San Chí	Lạnh	
185	Trần Văn Phong	Nam	05/08/1987	San Chí	Lạnh	
186	Trần Văn Thủy	Nam	01/01/1985	San Chí	Lạnh	
187	Trần Văn Tiếp	Nam	1985	San Chí	Lạnh	
188	Trương Văn An	Nam	07/05/1981	San Chí	Lạnh	
189	Trương Văn Nhộc	Nam	1964	San Chí	Lạnh	
190	Hoàng Văn Lùi	Nam	23/08/1951	San Chí	Lạnh	
191	Hoàng Văn Vượng	Nam	1985	San Chí	Lạnh	
192	Trần Văn Bắc	Nam	1978	San Chí	Lạnh	
193	Trần Văn Khảm	Nam	06/1979	San Chí	Lạnh	
194	Trần Văn Thế	Nam	12/11/1979	San Chí	Lạnh	

195	Hoàng Thị Chau	Nữ	1953	San Chí	Lạnh	
196	Nhịh Văn Dũng	Nam	02/10/1993	San Chí	Lạnh	
197	Trần Văn Tài	Nam	03/07/1993	San Chí	Lạnh	
198	Trương Thị Ngân	Nữ	29/06/1989	San Chí	Lạnh	
II	Hộ cận nghèo					
1	Vũ Văn Hiệp	Nam	19/05/1995	Kinh	Thanh Trà	
2	Nông Văn Thành	Nam	21/09/1977	Kinh	Thanh Trà	
3	Vũ Thị Ngọc	Nữ	01/06/1993	Kinh	Thanh Trà	
4	Vũ Văn Chuyên	Nam	13/10/1987	Kinh	Thanh Trà	
5	Vũ Văn Quyết	Nam	16/05/1982	Kinh	Thanh Trà	
6	Vũ Hồng Sơn	Nam	14/10/1985	Tây	Thanh Trà	
7	Vũ Văn Nguyên	Nam	14/09/1980	Kinh	Thanh Trà	
8	Hoàng Thị Tuyền	Nữ	21/01/1968	Tây	Thanh Trà	
9	Vũ Văn Khoa	Nam	20/11/1959	Kinh	Thanh Trà	
10	Đinh Văn Vụ	Nam	10/03/1963	Kinh	Thanh Trà	
11	Ngọc Văn Kiên	Nam	30/09/1981	Kinh	Thanh Trà	
12	Nguyễn Văn Bộ	Nam	15/07/1960	Kinh	Thanh Trà	
13	Nguyễn Văn Cấp	Nam	15/06/1964	Kinh	Thanh Trà	
14	Nguyễn Văn Hiền	Nam	27/01/1986	Kinh	Thanh Trà	
15	Nguyễn Văn Lựu	Nam	10/12/1983	Kinh	Thanh Trà	
16	Vi Văn Thìn	Nam	1989	Kinh	Thanh Trà	
17	Vũ Thị Chiêm	Nữ	12/08/1960	Kinh	Thanh Trà	
18	Vũ Thị Luyện	Nữ	23/05/1972	Kinh	Thanh Trà	
19	Vũ Văn Doanh	Nam	23/02/1990	Kinh	Thanh Trà	
20	Vũ Văn Hiếu	Nam	18/12/1987	Kinh	Thanh Trà	
21	Vũ Văn Thành	Nam	27/06/1968	Kinh	Thanh Trà	
22	Vi Văn Tuấn	Nam	05/05/1988	Kinh	Thanh Trà	
23	Lãnh Văn Ân	Nam	25/02/1959	Kinh	Thanh Trà	
24	Nông Thị An	Nữ	05/09/1975	Kinh	Thanh Trà	
25	Vũ Văn Quỳnh	Nam	17/02/1985	Kinh	Thanh Trà	
26	Nguyễn Thị Lạng	Nữ	20/04/1964	Kinh	Thanh Trà	
27	Bùi Văn Lưu	Nam	18/09/1973	Kinh	Thanh Trà	
28	Hoàng Thị Nhung	Nữ	29/10/1995	Kinh	Thanh Trà	
29	Hà Văn Trường	Nam	10/10/1967	Kinh	Thanh Trà	
30	Vũ Thị Hoàn	Nữ	18/04/1963	Kinh	Thanh Trà	
31	Vũ Văn Sử	Nam	24/08/1978	Kinh	Thanh Trà	
32	Vũ Văn Bộ	Nam	20/04/1963	Kinh	Thanh Trà	
33	Ngô Văn Ước	Nam	20/05/1977	Kinh	Thanh Trà	
34	Ngô Thị Ty	Nữ	1965	Kinh	Thanh Trà	
35	Đỗ Văn Ánh	Nam	03/1970	Kinh	Thia Tu Nim	

36	Hoàng Văn Kiêu	Nam	02/07/1986	Kinh	Thia Tu Nim	
37	Hoàng Văn Tình (Thủy)	Nam	10/12/1991	Tày	Thia Tu Nim	
38	Lộc Văn Sinh	Nam	1950	Kinh	Thia Tu Nim	
39	Lý Văn Cây	Nam	15/03/1989	San Chí	Thia Tu Nim	
40	Nịnh Thị Sặng	Nữ	01/01/1947	San Chí	Thia Tu Nim	
41	Hoàng Văn Tiến	Nam	1983	San Chí	Thia Tu Nim	
42	Lộc Văn Đang	Nam	01/1947	Kinh	Thia Tu Nim	
43	Hà Văn Muộn	Nam	08/1952	Kinh	Thia Tu Nim	
44	Đình Văn Việt	Nam	07/1980	Kinh	Thia Tu Nim	
45	Đỗ Văn Trọng	Nam	20/04/1984	Tày	Thia Tu Nim	
46	Hoàng Đức Văn	Nam	00/10/1987	San Chí	Thia Tu Nim	
47	Hoàng Văn Giang	Nam	1972	Kinh	Thia Tu Nim	
48	Hoàng Văn Hòa	Nam	05/1964	Kinh	Thia Tu Nim	
49	Khúc Văn Hưng	Nam	07/1972	Kinh	Thia Tu Nim	
50	Lộc Văn Tuấn	Nam	26/06/1988	Kinh	Thia Tu Nim	
51	Trần Văn Điều	Nam	04/02/1983	San Chí	Thia Tu Nim	
52	Trần Văn Giáp	Nam	1977	San Chí	Thia Tu Nim	
53	Hoàng Văn Hoạt	Nam	10/08/1986	Kinh	Thia Tu Nim	
54	Lý Văn Tăng	Nam	16/08/1981	San Chí	Thia Tu Nim	
55	Mễ Văn Lợi	Nam	25/09/1984	San Chí	Thia Tu Nim	
56	Mễ Văn Sủi	Nam	08/10/1974	San Chí	Thia Tu Nim	
57	Mè Văn Tuấn	Nam	07/07/1991	San Chí	Thia Tu Nim	
58	Nguyễn Văn Chí	Nam	04/1970	Kinh	Thia Tu Nim	
59	Trần Văn Minh	Nam	21/07/1988	San Chí	Thia Tu Nim	
60	Trần Văn Mỏ	Nam	1956	San Chí	Thia Tu Nim	
61	Trần Văn Nhất	Nam	1959	San Chí	Thia Tu Nim	
62	Trần Văn Út	Nam	01/01/1976	San Chí	Thia Tu Nim	
63	Trần Văn Xuân	Nam	18/06/1979	San Chí	Thia Tu Nim	
64	Vi Thị Thắng	Nữ	08/10/1973	Kinh	Thia Tu Nim	
65	Vi Văn Quảng	Nam	1974	Kinh	Thia Tu Nim	
66	Vũ Văn Huy	Nam	07/10/1973	Kinh	Thia Tu Nim	
67	Đình Thị Nam	Nữ	02/02/1983	Kinh	Thia Tu Nim	
68	Đỗ Văn Hoàn	Nam	19/02/1978	Kinh	Thia Tu Nim	
69	Lý Văn Toàn	Nam	1991	San Chí	Thia Tu Nim	
70	Mễ Thị Thành	Nữ	1975	San Chí	Thia Tu Nim	
71	Lý Văn Thêm	Nam	16/04/1966	San Chí	Thia Tu Nim	
72	Lý Văn Đua	Nam	01/01/1972	San Chí	Thia Tu Nim	
73	Lý Văn Thảo	Nam	03/03/1981	San Chí	Thia Tu Nim	
74	Lý Văn Hơ	Nam	12/1969	San Chí	Thia Tu Nim	
75	Hoàng Văn Phóng	Nam	01/05/1964	San Chí	Thia Tu Nim	

76	Chiêu Thị Chung	Nữ	04/05/1963	Kinh	Thia Tu Nim	
77	Trần Văn Tiến	Nam	01/01/1967	San Chí	Thia Tu Nim	
78	Lý Văn Quan	Nam	1971	San Chí	Thia Tu Nim	
79	Mễ Văn Cạng	Nam	00/00/1965	San Chí	Thia Tu Nim	
80	Trần Văn Thủy	Nam	1979	San Chí	Thia Tu Nim	
81	Trần Văn Công	Nam	06/1968	San Chí	Thia Tu Nim	
82	Trần Văn Hội	Nam	14/02/1971	San Chí	Thia Tu Nim	
83	Lý Văn Thành	Nam	17/12/1966	San Chí	Thia Tu Nim	
84	Mễ Văn Tích	Nam	10/05/1980	San Chí	Thia Tu Nim	
85	Trần Văn Chung	Nam	10/10/1972	San Chí	Thia Tu Nim	
86	Lý Văn Vùg	Nam	01/09/1968	San Chí	Thia Tu Nim	
87	Lý Văn Tế	Nam	01/01/1985	San Chí	Thia Tu Nim	
88	Mễ Văn Thu	Nam	10/05/1982	San Chí	Thia Tu Nim	
89	Mễ Văn Cối	Nam	01/01/1962	San Chí	Thia Tu Nim	
90	Mễ Thị Lương	Nữ	01/01/1976	San Chí	Thia Tu Nim	
91	Nịnh Văn Thắng	Nam	1985	San Chí	Tân Chung	
92	Nịnh Văn Tiến	Nam	30/08/1981	San Chí	Tân Chung	
93	Nông Thị Liên	Nữ	28/08/1971	Tày	Tân Chung	
94	Trần Thị Út	Nữ	19/08/1987	San Chí	Tân Chung	
95	Lý Văn Hưng	Nam	02/1972	San Chí	Tân Chung	
96	Lý Văn Quyết	Nam	1984	San Chí	Tân Chung	
97	Ngọc Văn Thanh	Nam	06/08/1978	San Chí	Tân Chung	
98	Vũ Văn Nghĩa	Nam	20/02/1979	Kinh	Tân Chung	
99	Trần Văn Quý	Nam	10/10/1981	San Chí	Tân Chung	
100	Nguyễn Văn Lý	Nam	01/05/1985	Kinh	Tân Chung	
101	Lý Văn Bắc	Nam	1989	San Chí	Tân Chung	
102	Vi Anh Tuấn	Nam	20/009/1996	Tày	Tân Chung	
103	Vũ Văn Tơ	Nam	17/09/1988	Tày	Tân Chung	
104	Vi Văn Tân	Nam	08/06/1985	Tày	Tân Chung	
105	Lý Văn Nhất	Nam	11/1978	San Chí	Tân Chung	
106	Hoàng Văn Vững	Nam	15/08/1970	Kinh	Tân Chung	
107	Đinh Thị Hòa	Nữ	01/11/1972	Kinh	Tân Chung	
108	Lý Xuân Sáu	Nam	21/03/1979	San Chí	Tân Chung	
109	Lý Văn Lực	Nam	16/05/1990	San Chí	Tân Chung	
110	Nịnh Văn Sùu	Nam	17/05/1986	San Chí	Tân Chung	
111	Lý Văn Chín	Nam	1972	San Chí	Tân Chung	
112	Phạm Ngọc Hải	Nam	11/05/1984	Kinh	Tân Chung	
113	Lý Văn Mạnh	Nam	07/08/1989	San Chí	Tân Chung	
114	Trần Đức Văn	Nam	09/11/1975	San Chí	Tân Chung	
115	Dương Văn Út	Nam	09/03/1992	San Chí	Chung sơn	

116	Nịnh Văn Luyện	Nam	2/10/1988	San Chí	Chung son	
117	Nịnh Văn Quý	Nam	15/10/1984	San Chí	Chung son	
118	Trần Văn Việt	Nam	30/12/1986	San Chí	Chung son	
119	Hoàng Văn Cường	Nam	07/03/1966	San Chí	Chung son	
120	Trần Văn Đạo	Nam	15/05/1984	San Chí	Chung son	
121	Đàm Văn Tân	Nam	25/12/1993	San Chí	Chung son	
122	Dương Thị Nhân	Nữ	01/01/1975	San Chí	Chung son	
123	Dương Văn Liêng	Nam	21/04/1962	San Chí	Chung son	
124	Dương Văn Tiệp	Nam	09/03/1993	San Chí	Chung son	
125	La Văn Phi	Nam	1973	San Chí	Chung son	
126	Lý Văn Bình	Nam	03/1972	San Chí	Chung son	
127	Lý Văn Hồ	Nam	04/1974	San Chí	Chung son	
128	Nịnh Bình Thượng	Nam	15/01/1964	San Chí	Chung son	
129	Nịnh Văn Đông	Nam	17/03/1994	San Chí	Chung son	
130	Nịnh Văn Nhất	Nam	05/1982	San Chí	Chung son	
131	Trần Thị Phòng	Nữ	03/1976	San Chí	Chung son	
132	Trần Văn Chức	Nam	09/1978	San Chí	Chung son	
133	Trần Văn Nhân	Nam	1983	San Chí	Chung son	
134	Trần Văn Tâm	Nam	13/03/1984	San Chí	Chung son	
135	Trần Văn Thảo	Nam	1981	San Chí	Chung son	
136	Trần Văn Tư	Nam	01/11/1965	San Chí	Chung son	
137	Lý Văn Hạ	Nam	14/03/1985	San Chí	Chung son	
138	Trần Đức Thanh	Nam	07/1971	San Chí	Chung son	
139	Trần Văn An	Nam	06/06/1981	San Chí	Chung son	
140	Dương Văn Lực	Nam	12/08/1989	San Chí	Chung son	
141	Hoàng Văn Cạng	Nam	10/1968	San Chí	Chung son	
142	Trần Văn Sảng	Nam	01/11/1959	San Chí	Chung son	
143	Trần Bình Trọng	Nam	25/11/1965	San Chí	Chung son	
144	Trần Quang Sinh	Nam	27/07/1961	San Chí	Chung son	
145	Trần Văn Cao	Nam	04/1972	San Chí	Chung son	
146	Hoàng Văn Khang	Nam	1938	San Chí	Chung son	
147	Lương Văn Hù	Nam	11/06/1961	San Chí	Chung son	
148	Nịnh Văn Hoạch	Nam	07/08/1987	San Chí	Chung son	
149	Dương Văn Nhất	Nam	01/10/1976	San Chí	Chung son	
150	Trần Văn Ninh	Nam	27/10/1982	San Chí	Chung son	
151	Lý Văn Chín	Nam	10/06/1971	San Chí	Chung son	
152	Trần Thanh Hải	Nam	22/08/1961	San Chí	Chung son	
153	Trần Văn Cát	Nam	07/1967	San Chí	Chung son	
154	Trần Văn Hội	Nam	19/01/1990	San Chí	Chung son	
155	Trần Văn Bắc	Nam	08/02/1981	San Chí	Chung son	

156	Đàm Văn Định	Nam	20/05/1981	San Chí	Chung son	
157	Trần Văn Lục	Nam	26/02/1962	San Chí	Chung son	
158	Trần Văn Minh	Nam	11/05/1982	San Chí	Chung son	
159	Trần Văn Seng	Nam	15/04/1963	San Chí	Chung son	
160	Trần Văn Hưng	Nam	29/10/1986	San Chí	Chung son	
161	Lý Quang Lìn	Nam	05/09/1972	San Chí	Chung son	
162	Trần Văn Thành	Nam	12/1969	San Chí	Chung son	
163	Trần Văn Thắm	Nam	10/02/1971	San Chí	Chung son	
164	Trịnh Thị Tú	Nữ	1953	San Chí	Chung son	
165	Hoàng Thị Thông	Nữ	1970	San Chí	Chung son	
166	Nịnh Văn Thơm	Nam	1986	San Chí	Chung son	
167	Lý Văn Chính (Hoa)	Nam	22/02/1979	San Chí	Lộ	
168	Trần Văn Cường	Nam	21/05/1982	San Chí	Lộ	
169	Trương Văn Phượng	Nam	05/1969	San Chí	Lộ	
170	Đặng Văn Văn	Nam	13/08/1987	San Chí	Lộ	
171	Đặng Văn Ba	Nam	28/05/1975	San Chí	Lộ	
172	Đặng Văn Hôn	Nam	06/1983	San Chí	Lộ	
173	Đặng Văn Phượng	Nam	00/01/1971	San Chí	Lộ	
174	Đặng Văn Tào	Nam	05/10/1964	San Chí	Lộ	
175	Đặng Văn Tiến	Nam	12/05/1988	San Chí	Lộ	
176	Hoàng Văn Cạng	Nam	05/1964	San Chí	Lộ	
177	Hoàng Văn Mừng	Nam	02/1982	San Chí	Lộ	
178	Lục Văn Ngân	Nam	21/07/1995	San Chí	Lộ	
179	Lục Văn Thảo	Nam	10/10/1982	San Chí	Lộ	
180	Lý Văn Lợi	Nam	1982	San Chí	Lộ	
181	Lý Văn Sinh	Nam	06/10/1983	San Chí	Lộ	
182	Lý Văn Sơn	Nam	1985	San Chí	Lộ	
183	Nịnh Văn Hoa	Nam	06/1963	San Chí	Lộ	
184	Phan Văn Chấn	Nam	1971	San Chí	Lộ	
185	Trương Văn Chấn	Nam	12/03/1983	San Chí	Lộ	
186	Trương Văn Thành	Nam	07/07/1977	San Chí	Lộ	
187	Trương Văn Trọng	Nam	1963	San Chí	Lộ	
188	Đặng Văn Sầu	Nam	01/10/1960	San Chí	Lộ	
189	Đàm Văn Ngân	Nam	10/1977	San Chí	Lộ	
190	Đặng Văn Nhân	Nam	01/08/1951	San Chí	Lộ	
191	Phan Văn Tiến	Nam	1964	San Chí	Lộ	
192	Lý Văn Yên	Nam	06/1969	San Chí	Lộ	
193	Lục Văn Kỳ	Nam	1970	San Chí	Lộ	
194	Đặng Văn Bầy	Nam	06/08/1970	San Chí	Lộ	
195	Nguyễn Trọng Thụy	Nam	12/09/1965	San Chí	Lộ	

196	Lý Văn Tâm	Nam	17/10/1988	San Chí	Lộ	
197	Hoàng Văn Nguyên	Nam	1981	San Chí	Lạnh	
198	Nịnh Văn Sinh	Nam	13/06/1977	San Chí	Lạnh	
199	Trần Văn Quyết	Nam	1988	San Chí	Lạnh	
200	Trần Văn Dìn	Nam	02/05/1950	San Chí	Lạnh	
201	Trần Đức Anh	Nam	04/1977	San Chí	Lạnh	
202	Đặng Văn Sáng	Nam	15/03/1964	San Chí	Lạnh	
203	Đặng Văn Toàn	Nam	17/10/1979	San Chí	Lạnh	
204	Hoàng Văn Châu	Nam	07/04/1984	San Chí	Lạnh	
205	Hoàng Văn Dờn	Nam	01/01/1943	San Chí	Lạnh	
206	Hoàng Văn Quản	Nam	21/10/1987	San Chí	Lạnh	
207	Hoàng Văn Vụ	Nam	10/05/1974	San Chí	Lạnh	
208	Nịnh Văn Vạn	Nam	1965	San Chí	Lạnh	
209	Đặng Văn Khoa	Nam	09/08/1984	San Chí	Lạnh	
210	Đặng Thị Thanh	Nữ	24/10/1975	San Chí	Lạnh	
211	Hoàng Văn Lồng	Nam	10/10/1961	San Chí	Lạnh	
212	Đặng Văn Đồng	Nam	01/08/1972	San Chí	Lạnh	
213	Trần Văn Thực	Nam	15/02/1979	San Chí	Lạnh	
214	Trần Văn Mừng	Nam	11/1978	San Chí	Lạnh	
215	Đặng Văn Dắt	Nam	04/09/1954	San Chí	Lạnh	
216	Trương Văn Cây	Nam	23/06/1961	San Chí	Lạnh	
217	Trần Thị Sài	Nữ	01/01/1959	San Chí	Lạnh	
218	Hoàng Văn Nội	Nam	10/06/1985	San Chí	Lạnh	
219	Trương Văn Hoi	Nam	16/10/1984	San Chí	Lạnh	
220	Trần Văn Tế	Nam	12/02/1980	San Chí	Lạnh	
221	Đặng Văn Diện	Nam	18/01/1991	San Chí	Lạnh	
222	Trương Công Nhân	Nam	01/11/1957	San Chí	Lạnh	
223	Đặng Văn Thanh	Nam	01/01/1965	San Chí	Lạnh	
224	Trần Văn Công	Nam	23/06/1966	San Chí	Lạnh	
(Tổng: 198 hộ nghèo, 224 hộ cận nghèo)						

UBND XÃ LỆ VIỄN**DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, THOÁT CẬN NGHÈO NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Lệ Viễn)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Thôn/ bản	Ghi chú
A	B	I	2	4	5	7
I	Hộ thoát nghèo					
1	Vũ Văn Hiệp	Nam	19/05/1995	Kinh	Thanh Trà	CN
2	Nông Văn Thành	Nam	21/09/1977	Kinh	Thanh Trà	CN
3	Vũ Thị Ngọc	Nữ	01/06/1993	Kinh	Thanh Trà	CN
4	Vũ Văn Chuyên	Nam	13/10/1987	Kinh	Thanh Trà	CN
5	Vũ Văn Quyết	Nam	16/05/1982	Kinh	Thanh Trà	CN
6	Vũ Hồng Sơn	Nam	14/10/1985	Tày	Thanh Trà	CN
7	Vũ Văn Nguyên	Nam	14/09/1980	Kinh	Thanh Trà	CN
8	Hoàng Thị Tuyền	Nữ	21/01/1968	Tày	Thanh Trà	CN
9	Đình Văn Sinh	Nam	12/04/1960	Kinh	Thia Tu Nim	
10	Đỗ Thị Nhung	Nữ	10/03/1988	Kinh	Thia Tu Nim	
11	Đỗ Văn Ánh	Nam	03/1970	Kinh	Thia Tu Nim	CN
12	Hoàng Văn Kiêu	Nam	02/07/1986	Kinh	Thia Tu Nim	CN
13	Hoàng Văn Tinh (Thủy)	Nam	10/12/1991	Tày	Thia Tu Nim	CN
14	Lộc Văn Sinh	Nam	1950	Kinh	Thia Tu Nim	CN
15	Lý Văn Cây	Nam	15/03/1989	San Chí	Thia Tu Nim	CN
16	Nịnh Thị Sặng	Nữ	01/01/1947	San Chí	Thia Tu Nim	CN
17	Hoàng Văn Tiến	Nam	1983	San Chí	Thia Tu Nim	CN
18	Lộc Văn Đang	Nam	01/1947	Kinh	Thia Tu Nim	CN
19	Hà Văn Muộn	Nam	08/1952	Kinh	Thia Tu Nim	CN
20	Nịnh Văn Thắng	Nam	1985	San Chí	Tân Chung	CN
21	Lý Văn Vàng	Nam	15/08/1980	San Chí	Tân Chung	
22	Ngọc Văn Xuân	Nam	08/04/1980	San Chí	Tân Chung	
23	Lý Văn Quý	Nam	22/09/1981	San Chí	Tân Chung	
24	Nịnh Thị Dự	Nữ	12/11/1980	San Chí	Chung Sơn	
25	Nịnh Văn Thuận		20/11/1991	San Chí	Chung Sơn	
26	Trần Văn An	Nam	05/1972	San Chí	Chung Sơn	
27	Trần Văn May	Nam	23/02/1962	San Chí	Chung Sơn	
28	Hoàng Văn Muộn	Nam	19/04/1964	San Chí	Chung Sơn	
29	Dương Văn Út	Nam	09/03/1992	San Chí	Chung Sơn	CN
30	Nịnh Văn Luyên	Nam	2/10/1988	San Chí	Chung Sơn	CN
31	Nịnh Văn Quý	Nam	15/10/1984	San Chí	Chung Sơn	CN

32	Trần Văn Việt	Nam	30/12/1986	San Chí	Chung Sơn	CN
33	Hoàng Văn Cường	Nam	07/03/1966	San Chí	Chung Sơn	CN
34	Trần Văn Đạo	Nam	15/05/1984	San Chí	Chung Sơn	CN
35	Nịnh Văn Nhàu	Nam	1956	San Chí	Lộ	
36	Trần Thị Tài	Nữ	05/05/1979	San Chí	Lộ	
37	Nông Văn Bình	Nam	09/10/1983	San Chí	Lộ	
38	Lý Văn Chính (Hoa)	Nam	22/02/1979	San Chí	Lộ	CN
39	Trần Văn Cường	Nam	21/05/1982	San Chí	Lộ	CN
40	Trương Văn Phương	Nam	05/1969	San Chí	Lộ	CN
41	Trần Văn Nghĩa	Nam	1987	San Chí	Lạnh	
42	Trần Văn Pháp	Nam	1988	San Chí	Lạnh	
43	Hoàng Văn Nguyên	Nam	1981	San Chí	Lạnh	CN
44	Nịnh Văn Sinh	Nam	13/06/1977	San Chí	Lạnh	CN
45	Trần Văn Quyết	Nam	1988	San Chí	Lạnh	CN
46	Trần Văn Dìn	Nam	02/05/1950	San Chí	Lạnh	CN
II	Hộ thoát cận nghèo					
1	Đàm Thị Tuấn	Nữ	27/01/1976	Kinh	Thanh Trà	
2	Vũ Văn Đoàn	Nam	14/03/1987	Kinh	Thanh Trà	
3	Vi Văn Lan	Nam	26/01/1966	Kinh	Thanh Trà	
4	Vũ Văn Cung	Nam	15/6/1974	Kinh	Thanh Trà	
5	Ngô Văn Huỳnh	Nam	01/10/1986	Tày	Thanh Trà	
6	Ngọc Văn Vĩnh	Nam	04/05/1970	Kinh	Thanh Trà	
7	Vũ Văn Chi	Nam	15/12/1986	Kinh	Thanh Trà	
8	Đình Văn Sáu	Nam	1971	Kinh	Thanh Trà	
9	Lý Văn Đăng	Nam	01/03/1987	Kinh	Thanh Trà	
10	Vũ Đức Tuyên	Nam	26/08/1966	Kinh	Thanh Trà	
11	Lý Văn Đậu	Nam	03/01/1981	Kinh	Thanh Trà	
12	Vũ Văn Tranh	Nam	01/05/1969	Kinh	Thanh Trà	
13	Vũ Văn Bắc	Nam	27/07/1960	Kinh	Thanh Trà	
14	Vũ Văn Chiến	Nam	05/02/1958	Kinh	Thanh Trà	
15	Nguyễn Văn Muộn	Nam	14/02/1974	Kinh	Thanh Trà	
16	Nguyễn Thị Lý	Nữ	12/09/1974	Kinh	Thia Tu Nim	HN
17	Đình Văn Quế	Nam	10/05/1974	Kinh	Thia Tu Nim	
18	Lý Văn Thắng	Nam	07/10/1975	San Chí	Thia Tu Nim	
19	Nguyễn Văn Quyền	Nam	07/1966	Kinh	Thia Tu Nim	
20	Vi Văn Bộ	Nam	15/01/1978	Tày	Thia Tu Nim	
21	Lộc Văn Vay	Nam	08/10/1984	Kinh	Thia Tu Nim	
22	Lộc Văn Lập	Nam	12/10/1973	Kinh	Thia Tu Nim	

23	Hoàng Thị Nghĩa	Nữ	02/11/1968	Tày	Thia Tu Nim	
24	Hà Văn Thuyên	Nam	01/02/1972	Kinh	Thia Tu Nim	
25	Hoàng Văn Đức	Nam	01/01/1972	Tày	Thia Tu Nim	
26	Hoàng Văn An	Nam	01/01/1963	Kinh	Thia Tu Nim	
27	Phạm Văn Tuyển	Nam	16/06/1975	Kinh	Thia Tu Nim	
28	Phạm Ngọc Bé	Nam	06/1952	Kinh	Thia Tu Nim	
29	Hoàng Văn Thủy	Nam	10/03/1969	San Chí	Thia Tu Nim	
30	Lý Văn Tình	Nam	01/12/1972	San Chí	Thia Tu Nim	
31	Lý Văn Phú	Nam	05/05/1981	San Chí	Thia Tu Nim	
32	Lý Văn Quạ	Nam	07/09/1964	San Chí	Thia Tu Nim	
33	Hoàng Thị Xây	Nữ	23/8/1959	Kinh	Tân Chung	HN
34	Lý Văn Hải	Nam	1992	San Chí	Tân Chung	
35	Trần Văn Phong	Nam	13/10/1968	San Chí	Tân Chung	
36	Lý Văn Tiến	Nam	16/07/1985	San Chí	Tân Chung	
37	Vũ Văn Chung	Nam	24/10/1970	Kinh	Tân Chung	
38	Vũ Văn Dũng	Nam	06/10/1975	Kinh	Tân Chung	
39	Ngọc Văn Tình	Nam	01/01/1975	San Chí	Tân Chung	
40	Lý Văn Phương	Nam	01/01/1967	San Chí	Tân Chung	
41	Dương Thị Mũi	Nữ	1969	San Chí	Tân Chung	
42	Trần Văn Huân	Nam	28/09/1966	Kinh	Tân Chung	
43	Trần Văn Kim	Nam	08/09/1990	San Chí	Tân Chung	
44	Dương Văn Chung	Nam	20/03/1975	San Chí	Chung Sơn	
45	Dương Văn Toàn	Nam	01/02/1992	San Chí	Chung Sơn	
46	Hoàng Văn Vù	Nam	1963	San Chí	Chung Sơn	
47	Lương Văn Hà	Nam	1979	San Chí	Chung Sơn	
48	Lương Văn Tám	Nam	16/11/1976	San Chí	Chung Sơn	
49	Nịnh Văn Siu	Nam	02/10/1980	San Chí	Chung Sơn	
50	Nịnh Văn Sơn	Nam	19/03/1965	San Chí	Chung Sơn	
51	Nịnh Văn Tắc	Nam	1978	San Chí	Chung Sơn	
52	Trần Văn Bình	Nam	30/08/1978	San Chí	Chung Sơn	
53	Trần Văn Phi	Nam	03/1966	San Chí	Chung Sơn	
54	Trần Văn Muộn	Nam	19/08/1987	San Chí	Chung Sơn	
55	Trần Văn Bằng	Nam	15/10/1976	San Chí	Chung Sơn	
56	Hoàng Văn Hồ	Nam	01/07/1966	San Chí	Chung Sơn	
57	Trần Văn Chính	Nam	14/06/1984	San Chí	Chung Sơn	
58	Lý Văn Chính (Vinh)	Nam	21/08/1988	San Chí	Lộ	
59	Trần Văn Thắng	Nam	1992	San Chí	Lộ	
60	Đặng Văn Lợi	Nam	25/09/1984	San Chí	Lộ	

61	Lý Văn Nguyên	Nam	1979	San Chí	Lộ	
62	Lý Văn Chung	Nam	08/1986	San Chí	Lộ	
63	Lục Văn Cầu	Nam	14/05/1960	San Chí	Lộ	
64	Trương Văn Hành	Nam	01/02/1992	San Chí	Lộ	
65	Trương Văn Lợi	Nam	18/04/1975	San Chí	Lộ	
66	Đặng Văn Sênh	Nam	01/06/1949	San Chí	Lộ	
67	Nịnh Văn Đào	Nam	05/08/1978	San Chí	Lạnh	
68	Trần Văn Hội	Nam	10/02/1984	San Chí	Lạnh	
69	Trần Văn Thắng	Nam	1970	San Chí	Lạnh	
70	Trần Thị Hằng	Nữ	1972	San Chí	Lạnh	
71	Trương Văn Vùg	Nam	01/01/1962	San Chí	Lạnh	
72	Nịnh Đức Văn	Nam	05/04/1971	San Chí	Lạnh	
73	Trương Văn Long	Nam	01/12/1969	San Chí	Lạnh	
74	Đặng Văn Lân	Nam	01/01/1964	San Chí	Lạnh	
75	Đặng Văn Giang	Nam	28/02/1993	San Chí	Lạnh	
(Tổng cộng: 46 hộ thoát nghèo, 75 hộ thoát cận nghèo)						

UBND XÃ LỆ VIỄN**DANH SÁCH HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP
CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Lệ Viễn)

TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Thôn/ bản	Ghi chú
A	B	I	2	4	5	7
1	Nguyễn Văn Tiến	Nam	02/04/1986	Kinh	Thanh Trà	
2	Giáp Thị Dũng	Nữ	01/01/1962	Kinh	Thanh Trà	
3	Đình Văn Thường	Nam	04/05/1961	Kinh	Thanh Trà	
4	Vũ Văn Hoạch	Nam	14/04/1961	Kinh	Thanh Trà	
5	Vũ Văn Chuẩn	Nam	12/02/1983	Kinh	Thanh Trà	
6	Chu Văn Đức	Nam	12/05/1974	Tày	Thanh Trà	
7	Vũ Văn Lý	Nam	16/06/1971	Kinh	Thanh Trà	
8	Vũ Văn Vẻ	Nam	13/10/1972	Kinh	Thanh Trà	
9	La Văn Bắc	Nam	27/11/1983	Kinh	Thanh Trà	
Tổng: 09 hộ						

